

GIẤY PHÉP
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 390/TTr-STNMT ngày 20/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước có địa chỉ tại thôn Trung Tín, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: phục vụ cấp nước cho nhân dân 03 xã Phước Hòa, Phước Thắng và Phước Quang, huyện Tuy Phước;
2. Vị trí công trình khai thác: thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước;
3. Tầng chứa nước khai thác: Neogen hệ tầng Bình Định;
4. Tổng lưu lượng khai thác: 1.400 m³/ngày đêm;
5. Tổng số giếng khai thác: 03 giếng khoan hoạt động luân phiên (02 giếng hoạt động, 01 giếng nghỉ);

6. Chế độ khai thác trong năm: 365 ngày/năm;

7. Thời hạn khai thác: 10 (mười) năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số giếng cụ thể tại bảng sau:

Số TT	Tên giếng	VN2000, 6 độ		Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Mức nước tĩnh (m)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Độ sâu Mức nước động lớn nhất(m)	Tầng chứa nước khai thác
		X(m)	Y(m)				Từ	Đến		
1	G1	1,537,352	300,489	700	22,0	1,8	19,0	22,0	15,0	Nbđ
							27,0	36,0		
2	G2	1,537,428	300,485	700	22,0	1,92	29,0	35,0	25,0	Nbđ
3	G3	1,537,340	300,504	700	22,0	2,1	21,0	25,0	17,0	Nbđ
							29,0	33,0		

Điều 2. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước dưới đất của Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước tại thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước là khu vực có phạm vi bán kính 20m tính từ tâm các giếng khoan G1, G2, G3.

Điều 3. Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước có trách nhiệm:

1. Thực hiện giám sát thông số lưu lượng khai thác, mức nước trong giếng khai thác, giám sát định kỳ chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực khai thác, sử dụng nước theo quy định.

3. Phối hợp với UBND xã Phước Quang, UBND huyện Tuy Phước và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước; lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định. Hằng năm, trước ngày 15 tháng 12, tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác.

6. Nếu Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước còn nhu cầu tiếp tục khai thác nước dưới đất sau khi hết hạn khai thác thì phải làm thủ tục xin gia hạn giấy phép theo quy định ba tháng trước khi Giấy phép hết hạn.

Điều 4. Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Chủ tịch UBND xã Phước Quang, Giám đốc Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục quản lý Tài nguyên nước;
- Lưu: VT, K4.



**KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu